

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày

tháng 9 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần tập đoàn Onsen Fuji tại Văn bản số 190/CV-OFG ngày 19/7/2025 và kèm theo hồ sơ Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Tổ hợp Kinh doanh Thương mại, Dịch vụ, Căn hộ du lịch Lynn Times Phú Yên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường ngày 25/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 123/TTr-STNMT ngày 26/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần tập đoàn Onsen Fuji, địa chỉ tại Khu văn phòng tầng 5-6, tòa TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 01 Phạm Huy Thông, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Tổ hợp Kinh doanh Thương mại, dịch vụ, Căn hộ du lịch Lynn times Phú Yên tại phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Tổ hợp Kinh doanh Thương mại, Dịch vụ, Căn hộ du lịch Lynn Times Phú Yên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108486106 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/10/2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 09/06/2025.

1.4. Mã số thuế: 0108486106

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thương mại dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được xây dựng tại khu dân cư phía Bắc (R9÷R17); Nằm trong đồ án quy hoạch chi tiết Nam Tuy Hòa tỷ lệ 1/2000 thuộc các ô đất HH-01, HH-02, HH-03, HH-04, HH-07, HH-08, HH-09, HH-10 tại phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk, có tổng diện tích dự án là 26.845 m²

- Dự án đầu tư nhóm III (theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại mục II.2 Phụ lục V Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Quy mô đầu tư: Khối căn hộ du lịch cao 10 tầng, chiều cao công trình 42,5m, diện tích xây dựng 1.588m², tổng diện tích sàn 16.356m²; 10 căn City Hotel; 158 căn nhà thương mại liền kề và các công trình hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp nước, hệ thống thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện ngoài nhà, sân đường nội bộ, cây xanh cảnh quan, đường dây và trạm biến áp...)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần tập đoàn Onsen Fuji:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần tập đoàn Onsen Fuji có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy phép này thay thế Giấy phép môi trường số 26/GPMT-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Phú Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
 - TTCN và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - UBND phường Phú Yên;
 - Cty cổ phần tập đoàn Onsen Fuji;
- (Địa chỉ tại Khu văn phòng tầng 5-6, tòa TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh, số 1 Phạm Huy Thông, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội)
- Lưu VT, NNMT (Nhat)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của khu căn hộ dịch vụ.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của khu thương mại liền kề (Block B thấp tầng HH-03; HH-04; Block A thấp tầng HH-01; HH-02).
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của khu thương mại liền kề (Block C thấp tầng HH-07; HH-08; HH-09; HH-10).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa (nay phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk).

1.2. Vị trí xả nước thải: Tại 03 vị trí (theo Công văn số 1131/UBND ngày 07/3/2022 của UBND thành phố Tuy Hòa (nay phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk)), theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiều 3°), cụ thể như sau:

- Vị trí xả thải khu căn hộ dịch vụ: $X_1 = 1445743.9$; $Y_1 = 588427.1$
- Vị trí xả thải khu thương mại liền kề Block B và Block A: $X_2 = 1445653.7$, $Y_2 = 588429.7$.
- Vị trí xả thải khu thương mại liền kề Block C: $X_3 = 1445207.8$, $Y_3 = 588872.9$.

1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tổng lưu lượng nước thải dự án: $400\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm được đưa về hệ thống xử lý nước thải của 03 khu, cụ thể như sau:

- Khu căn hộ dịch vụ: $150\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm tương đương $6,25\text{m}^3/\text{giờ}$.
- Khu thương mại liền kề (Block B thấp tầng HH-03; HH-04; Block A thấp tầng HH-01; HH-02): $120\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm tương đương $5,0\text{m}^3/\text{giờ}$.
- Khu thương mại liền kề (Block C thấp tầng HH-07; HH-08; HH-09; HH-10): $130\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm tương đương $5,42\text{m}^3/\text{giờ}$.

1.4. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

1.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

1.6. Chất lượng nước thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, $k=1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP	
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30		
3	TSS	mg/l	50		
4	Amoni	mg/l	5		
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
6	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
7	Phosphat	mg/l	6		
8	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

Ghi chú: Kể từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ Khu căn hộ dịch vụ, thương mại liền kề và khu nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại/bể tách mỡ sau đó thoát về 03 trạm xử lý nước thải của từng khu. Nước thải sau xử lý đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa (nay phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk), cụ thể như sau:

+ Nước thải sinh hoạt của du khách và khách tham quan và cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án được dẫn về đường ống uPVC D250 đầu nối vào bể tự hoại 3 ngăn đặt bên dưới mỗi căn thương mại liền kề để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn qua hệ thống xử lý nước thải từng khu của Dự án.

+ Nước thải nhà bếp sau khi được xử lý bằng bể tách mỡ 3 ngăn sẽ dẫn vào đường ống uPVC D250 về hệ thống xử lý nước thải khu căn hộ dịch vụ của Dự án.

Tất cả nước thải của dự án sau khi xử lý sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa (nay phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk) trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Thiết bị

- Số lượng bể tự hoại: 168 bể, dung tích mỗi bể $4,5\text{m}^3$ và 10m^3 .
- Bể tách dầu mỡ: 01 bể, dung tích 6m^3 .

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Công suất thiết kế: tổng công suất $400\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, 03 trạm xử lý nước thải tại 03 khu, cụ thể như sau:

- + Trạm xử lý nước thải Khu căn hộ dịch vụ: Công suất $150\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + Trạm xử lý nước thải Khu thương mại liền kề (Block B thấp tầng HH-03; HH-04; Block A thấp tầng HH-01; HH-02): Công suất $120\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
- + Trạm xử lý nước thải Khu thương mại liền kề (Block C thấp tầng HH-07; HH-08; HH-09; HH-10): Công suất $130\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: 03 trạm xử lý nước thải của 03 khu được sử dụng chung 01 công nghệ: Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà bếp → Xử lý sơ bộ (bể tự hoại/tách mỡ) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bể khử trùng/Bể chứa nước sau khi xử lý → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1)) → Hệ thống thoát nước thải của Khu đô thị Nam thành phố Tuy Hòa trước khi thải ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clo bột 10% $9,0\text{ kg}/\text{ngày}$; PAC 31% $16\text{ kg}/\text{ngày}$; NaOH 10% $1,0\text{ kg}/\text{ngày}$.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Phòng chống sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Định kỳ lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

b) Phòng chống sự cố cháy nổ

- Trước khi lắp đặt các thiết bị PCCC phải được đơn vị chức năng kiểm định; kiểm tra.

- Trước khi đi vào hoạt động phải tổ chức nghiệm thu PCCC.

- Hạn chế sử dụng các thiết bị bằng gỗ, các vật liệu dễ cháy phòng ngừa cháy xảy ra.

- Phải áp dụng các biện pháp phòng cháy đảm bảo hạn chế tối đa khả năng xảy ra hỏa hoạn. Trong trường hợp xảy ra hỏa hoạn thì phải phát hiện đám cháy nhanh để cứu chữa kịp thời không để đám cháy lan ra các khu vực khác sinh ra cháy lớn khó cứu chữa gây hậu quả nghiêm trọng.

- Biện pháp phòng cháy phải đảm bảo sao cho khi có cháy thì người và tài sản trong tòa nhà dễ dàng sơ tán sang các khu vực an toàn một cách nhanh chóng nhất.

- Xây dựng nội quy PCCC và trang bị các thiết bị cần thiết để chữa cháy... theo yêu cầu của công an PCCC. Xây dựng hệ thống phòng chống cháy nổ cho khu vực dễ cháy như: trang bị các thiết bị phòng chống cháy, các phương án hành động khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Đặt các biển báo và cách ly các khu vực nguy hiểm như: phòng điều khiển điện, trạm điện... để hạn chế sự thiệt hại do sự cố.

- Lắp đặt các biển cảnh báo về nguy hiểm tại khu vực trạm, trụ điện.

- Lắp đặt hệ thống chống sét tại khu vực trạm, trụ điện theo đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải: Tháng 10 năm 2026.

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải: Tháng 12 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm (03 trạm): Trạm xử lý nước thải 120 m³/ngàyđêm; Trạm xử lý nước thải công suất 130 m³/ngàyđêm và Trạm xử lý nước thải công suất 150 m³/ngàyđêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 mẫu nước thải (đầu vào và đầu ra của 03 trạm xử lý nước thải).

2.2.2. Chất ô nhiễm giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Chất ô nhiễm: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat, Tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.3 Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày /9/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Thành phần	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, dung môi	Rắn, Lỏng	16 01 08	50
2	Mực in, hộp mực in, chất màu, mực quá hạn ruột viết dính mực, đầu viết, bo mạch điện tử phát sinh	Rắn	16 01 12	30
3	Bình xịt phòng các loại, pin hết công năng	Rắn	16 01 06	15
4	Các loại chất thải khác			40
Tổng				135

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,567 tấn/ngày đêm $\approx$ 571,955 tấn/năm. Thành phần chủ yếu rác thải sinh hoạt gồm rác hữu cơ như rau, củ, quả thừa, thức ăn thừa, hoa quả, cành cây; túi nilông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hay kim loại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: thùng đựng có nắp đậy 120 lít chất liệu nhựa cứng chuyên dụng.
- Khu vực lưu chứa trong nhà: Khu vực lưu chứa được bố trí dưới chân cầu thang khu vực lưu chứa chất thải rắn. Diện tích khu vực lưu chứa: 3,0 m², vách bê tông nền được tráng vữa chống thấm nước, có dán nhãn “Chất thải nguy hại”.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:
 - + Đối với mỗi khu vực (khu căn hộ dịch vụ và khu thương mại liền kề) sẽ bố trí phòng tập trung rác, tại mỗi khu bố trí 03 – 06 thùng chứa chứa rác 120l có nắp

đây (01 thùng chứa chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; 01 thùng chứa chất thải thực phẩm; 01 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác).

+ Đối với khu căn hộ dịch vụ: Chất thải rắn phát sinh sẽ được thu gom vào 03 thùng chứa 120 lít (01 thùng chứa chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; 01 thùng chứa chất thải thực phẩm; 01 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác) có nắp đậy bố trí tại văn phòng, khu bếp ăn. Đối với dọc các hàng lang thang máy, tại các vị trí có khu vực dịch vụ bố trí các thùng phân loại rác 2 ngăn chuyên dụng.

+ Đối với khu thương mại liền kề: Chất thải rắn phát sinh sẽ được thu gom vào 06 thùng chứa 120 lít (02 thùng chứa chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; 02 thùng chứa chất thải thực phẩm; 02 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt khác) có nắp đậy bố trí tại khu đất thực hiện dự án.

Chất thải được thu gom, vận chuyển tập kết tại khu vực tập trung rác 02 lần/ngày. Sau đó được xe thu gom rác thải của phường Phú Yên vận chuyển tần suất 01 lần/ngày.

- *Khu vực lưu chứa:*

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 6,0 m²; khu vực lưu chứa nằm trong khuôn viên dự án.

+ Toàn bộ khối lượng chất thải rắn được phân loại tại nguồn: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 01 lần/ngày.

+ Công ty sẽ thực hiện đầy đủ các quy định về việc quản lý và hợp đồng chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng. Sử dụng biên bản cho mỗi lần bàn giao theo quy định hiện hành. Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình phát sinh chất thải theo đúng quy định hiện hành.

2.3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom và hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Định kỳ lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi có sự cố xảy ra, tùy theo mức độ mà chủ đầu tư sẽ tự xử lý hoặc báo cho cơ quan chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời đúng theo quy định.

Phụ lục 3

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Kèm theo Giấy phép số /GPM-T-UBND ngày / 9 / 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk).

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần tập đoàn Onsen Fuji thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
- Cam kết có biện pháp, kế hoạch, nguồn lực để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án
- Cam kết thực hiện việc phân rác tại nguồn, chịu trách nhiệm về các giải pháp đã đề xuất trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.
- Cam kết đảm bảo tính khả thi khi thực hiện trách nhiệm của Chủ đầu tư sau khi được cơ quan có thẩm quyền hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.